CÔNG BẰNG XÃ HỘI VỀ KINH TẾ TRONG KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM

Hồ Quế Hậu
Khoa Lý luận chính trị, Đại học Kinh tế Hồ Chí Minh
Email: hoquehau57@yahoo.com.vn

Ngày nhận: 12/9/2017
Ngày nhận bản sửa: 28/10/2017
Ngày duyệt đăng: 25/01/2018

Tóm tắt

Bài viết đánh giá thực trạng công bằng xã hội về kinh tế trong kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam thời kỳ đổi mới và khuyến nghị một số chính sách thực hiện công bằng xã hội về kinh tế trong thời gian tới. Kết quả nghiên cứu cho thấy Việt Nam là một trong số ít quốc gia vừa thực hiện được tăng trưởng nhanh vừa thực hiện được công bằng xã hội. Tuy nhiên, còn nhiều bất cập trong thực hiện công bằng xã hội và bất bình đẳng kinh tế đang gia tăng. Vì vậy, cần phải hoàn thiện việc điều tiết thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, thực hiện triệt để hơn chính sách "xã hội hóa" dịch vụ công đi đôi với chính sách đầu tư phát triển hợp lý và chính sách an sinh xã hội.

Từ khóa: Chính sách công, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, công bằng xã hội.

Social Justice in Economics in the Socialist-Oriented Market Economy in Vietnam

Abstract:

This paper aims at evaluating the situation of social justice in economics in the socialist-oriented market economy of Vietnam in the renovation period and recommending some policies to implement social justice in economics in the coming time. The results show that Vietnam is one of the few countries that have achieved both fast economic growth and social justice. However, there are still many inadequacies in the implementation of social justice, as well as the increase in economic inequality. Therefore, it is necessary to have better control the socialist-oriented market, to implement the policy of "socialization" in public service sectors in line with the policy of effective development investment and social security.

Keywords: Public policy; socialist-oriented market economy; social justice.

1. Giới thiệu

Công bằng xã hội là mơ ước của nhân loại và là mục tiêu trong phát triển bền vững trong thời đại ngày nay (Đỗ Duy Đại, 2010). Giống như các nước xã hội chủ nghĩa trước đây, Việt Nam đã quốc hữu hoá và tập thể hoá các tư liệu sản xuất chủ yếu, với hy vọng vừa có tăng trưởng kinh tế vừa có công bằng xã hội. Tuy nhiên, sau đó, sản xuất trở nên trì trệ, đất nước lâm vào khủng hoảng kinh tế − xã hội. Một trong những nguyên nhân là do sự bất công của chế độ thực dân và phong kiến vừa được xoá bỏ thì bất công mới lại nảy sinh; đó là sự phân phối bình quân, cào bằng làm mất đi động lực phát triển (Phạm Vũ, 2013).

Từ năm 1986, công cuộc đổi mới đã đem lại những thành tựu to lớn nhờ thực hiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, kết hợp tăng trưởng kinh tế với công bằng xã hội. Tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam bình quân đạt 6,68 % trong ba

thập kỷ 1986-2016; thu nhập tổng sản phẩm quốc nội (GDP) tính theo đầu người tăng từ 100 đô la Mỹ (USD) năm 1990 lên 2.215 USD năm 2016. Mặc dù tăng trưởng nhanh, nhưng hệ số bất bình đẳng thu nhập (Ghini) ở Việt Nam 2016 chỉ ở mức 0,436, chỉ số phát triển con người (HDI) là 0,695 (Tổng cục Thống kê, 2016); cả hai cũng ở mức trung bình của thế giới, nhưng tốt hơn các nước có cùng trình độ phát triển và Việt Nam là một trong số ít quốc gia sớm đạt hầu hết các mục tiêu phát triển thiên niên kỷ của Liên hiệp quốc.

Tuy nhiên, bất bình đẳng kinh tế ở Việt Nam đang tăng lên. Chênh lệch về thu nhập giữa nhóm 20% dân số giàu nhất với nhóm 20% nghèo nhất tăng từ 4,1 lần lên 9,71 lần trong 1990-2014 (Tổng cục thống kê, 2014). Bên cạnh đó, tình trạng làm giàu bất chính, tham nhũng, buôn lậu, gian lận thương mại, trốn thuế... vẫn còn khá phổ biến, làm tăng bất công xã hội (Bùi Thị Phương Thùy, 2017). Lý giải cho tình hình trên, có người cho rằng quy luật thị trường không thể giải quyết một cách đầy đủ công bằng xã hội (Đỗ Huy, 2009). Vì vậy, đã chọn kinh tế thị trường thì phải chấp nhận sự tồn tại của bất công (Nguyễn Kiến Giang, 2010). Ngược lại, cũng có người cho rằng công bằng xã hội sẽ tạo ra động lực để tăng trưởng kinh tế chứ không là nguyên nhân kìm hãm tăng trưởng kinh tế (Nguyễn Thị Nga, 2006).

Vấn đề đặt ra là thực hiện công bằng xã hội về kinh tế trong nền kinh tế Việt Nam nên như thế nào? Đã có rất nhiều nghiên cứu về vấn đề này, nhưng như Đại hội Đảng lần thứ X đã chỉ rõ: "Lý luận chưa giải quyết được một số vấn đề của thực tiễn đổi mới và xây dựng chủ nghĩa xã hội, đặc biệt là trong việc giải quyết mối quan hệ… giữa tăng trưởng kinh tế và thực hiện công bằng xã hội"

Để góp phần làm rõ vấn đề trên, bài viết nhằm: (i) đánh giá thực trạng công bằng xã hội về kinh tế trong kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam trong thời kỳ đổi mới, và (ii) khuyến nghị một số chính sách thực hiện công bằng xã hội về kinh tế thời gian tới. Để đạt được mục tiêu trên, bài viết thực hiện phương pháp phân tích, tổng hợp các dữ liệu thứ cấp từ các nghiên cứu trước, các số liệu thống kê để làm rõ vấn đề nghiên cứu. Sau đây bài viết sẽ trình bày cơ sở lý thuyết, tiếp đến, đánh giá thực trạng công bằng xã hội về kinh tế thời kỳ đổi mới và sau cùng đưa ra một số khuyến nghị chính sách thực hiện công bằng xã hội về kinh tế thời gian tới.

2. Cơ sở lý thuyết

2.1. Khái niệm công bằng xã hội về kinh tế trong kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

C. Mác đã chỉ rõ công bằng xã hội là sự thể hiện yêu cầu bình đẳng trong quan hệ giữa cống hiến và hưởng thụ, giữa nghĩa vụ và quyền lợi (C.Mác trích dẫn trong Nguyễn Thị Nga, 2006). Công bằng là sự tương xứng giữa cái mà cá nhân làm cho xã hội dù là điều tốt hay điều xấu với cái mà họ được thưởng hoặc chịu trừng phạt từ xã hội (Nguyễn Tấn Hùng, 2008).

Công bằng xã hội và bình đẳng xã hội là hai khái niệm khác nhau. Trong công bằng xã hội có bình đẳng và có bất bình đẳng. Chẳng hạn, trước pháp luật, mọi công dân đều bình đẳng nhưng trên phương diện kinh tế, sự thụ hưởng của mỗi cá nhân không thể bằng nhau cho những nỗ lực chủ quan khác nhau; đó cũng là một yêu cầu của công bằng xã hội (Bùi Thị Phương Thùy, 2017).

Kinh tế thị trường là tổng thể những mối quan hệ kinh tế hữu cơ các yếu tố cung cầu, cạnh tranh và giá cả; chịu sự chi phối của "bàn tay vô hình", là những qui luật kinh tế khách quan tạo ra động lực cho các chủ thể kinh tế. Kinh tế thị trường phân bổ các nguồn lực cho sản xuất và phân phối các kết quả làm ra theo lao động và vốn sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, thị trường chỉ hướng đến hiệu quả cuối cùng của nền kinh tế chứ không quan tâm đến thân phận của mỗi người hay giải quyết đầy đủ công bằng xã hội.

Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là một thể chế kinh tế thực hiện *"dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh"*. Phát triển kinh tế nhiều thành phần, trong đó kinh tế Nhà nước giữ vai trò chủ đạo, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển. Thực hiện chế độ phân phối chủ yếu theo lao động, hiệu quả kinh tế, đồng thời theo mức đóng góp vốn cùng các nguồn lực khác và thông qua phúc lợi xã hội. Phát huy quyền làm chủ xã hội của nhân dân, bảo đảm vai trò quản lý, điều tiết nền kinh tế của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Công bằng xã hội về mặt kinh tế trong kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là thực hiện sự kết hợp giữa những nguyên tắc công bằng của kinh tế thị trường (như sự phân phối theo vốn đóng góp) với những nguyên tắc công bằng của chủ nghĩa xã hội (như phân phối theo lao động và phúc lợi xã hội)

Hình 1: Khung phân tích nội dung của công bằng xã hội về kinh tế trong kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

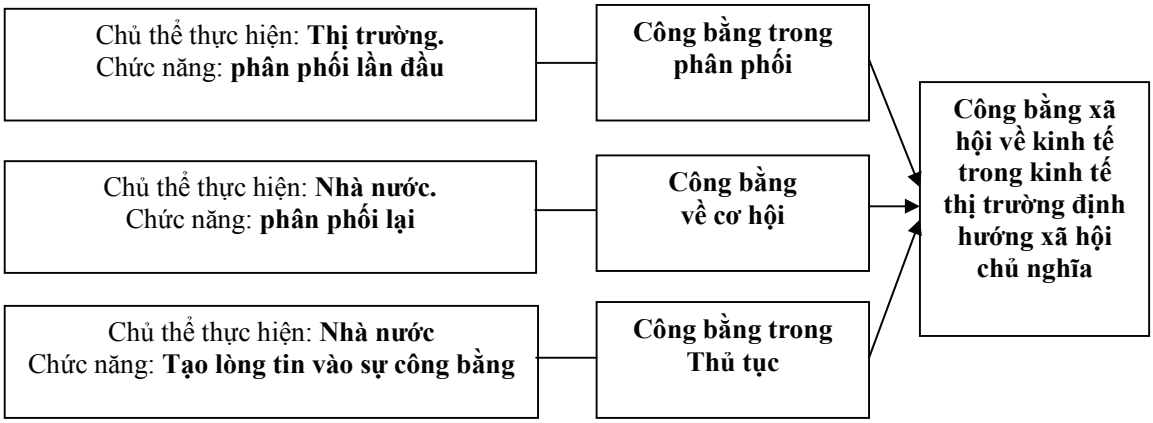

Nguồn: Khái quát của tác giả từ lý thuyết về công bằng.

trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

2.2. Nội dung của công bằng xã hội về kinh tế trong kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

Công bằng xã hội về kinh tế thể hiện trên 3 nội dung (i) Công bằng trong phân phối, (ii) Công bằng về cơ hội và (iii) Công bằng trong thủ tục (Hình 1).

Công bằng trong phân phối các nguồn lực (tư liệu sản xuất, tiền vốn…) và kết quả (sản phẩm, doanh thu, lợi nhuận, tiền công) mà mọi người nhận được phải cân xứng với mức đóng góp lao động, tiền vốn cho xã hội (Tyler, 2000); từ nỗ lực chủ quan và sự chịu trách nhiệm của mỗi người, nhưng lại không phụ thuộc vào những đặc điểm, hoàn cảnh cá nhân mang tính khách quan mà cá nhân không thể chịu trách nhiệm (giới tính, lứa tuổi, dân tộc…) (Francisco & Peragine, 2015). Đại hội Đảng lần thứ X cũng đã nêu "việc phân phối thu nhập được thực hiện không chỉ theo lao động, mà còn theo mức độ đóng góp các nguồn lực khác như vốn, tài sản, đất đai vào tăng trưởng kinh tế".

Công bằng về cơ hội là việc xã hội phải đảm bảo cho tất cả các thành viên của mình có cơ hội phát triển bình đẳng. Do đó, cơ hội, chứ không phải là thành tựu, trở thành *"tiêu chuẩn của công bằng"* (Cohen, 1989 trích trong Francisco & Peragine, 2015). Tuy nhiên, bản thân thị trường không thể trực tiếp mang lại sự bình đẳng về cơ hội cho mọi người. Do đó, bằng một cách gián tiếp, xã hội thông qua Nhà nước phải bồi thường, hỗ trợ cho những nhóm xã hội yếu thế hoặc khi gặp rủi ro khách quan mà tự họ không thể chịu trách nhiệm (Francisco, 2015).

Công bằng trong thủ tục là công bằng về đạo lý hơn là về xã hội, về tính chính đáng hơn là về quyền lợi kinh tế (Vũ Quốc Tuấn, 2008). Công bằng theo thủ tục bao gồm: (i) cơ hội tham gia, (ii) sự trung lập của các cơ quan có thẩm quyền, (iii) mức độ tin cậy vào động cơ của chính quyền, và (iv) sự đối đãi đàng hoàng và tôn trọng người dân trong phân phối (Tyler, 2000). Đối với nước ta, thực hiện công bằng trong thủ tục là quá trình phát triển chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa, hoàn thiện hệ thống luật pháp, thực hiện tốt phương châm "*Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra*" và cải cách hành chính Nhà nước, chống tham nhũng, đặc quyền đặc lợi.

3. Đánh giá tình hình công bằng xã hội về kinh tế trong kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ đổi mới

3.1. Những thành tựu đã đạt được

Một là trong quá trình đổi mới kinh tế, đã xóa bỏ phân phối bình quân cào bằng theo cơ chế bao cấp, chuyển sang thực hiện công bằng trong phân phối các nguồn lực và kết quả theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tạo động lực cho phát triển kinh tế.

Về phân phối vốn đầu tư phát triển, Nhà nước ta đã từng bước xây dựng nền kinh tế nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, còn gọi là *"kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa"*. Trong tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội, tỷ trọng vốn đầu tư của Nhà nước đã giảm dần đến 2016 chỉ còn 37,6% tổng đầu tư toàn xã hội (Tổng cục Thống kê, 2016).

Về phân phối quyền sử dụng đất, đã có bước đột phá từ cơ chế khoán sản phẩm cho hộ nông dân theo Chỉ thị 100 năm 1981 và Nghị quyết 10 thực hiện khoán hộ, giao đất cho người nông dân năm 1988. Đến nay, cả nước đã có 94,8% diện tích các loại đất đang sử dụng được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Bảo Anh, 2014).

Về cung ứng việc làm cho người lao động, đã có nhiều chuyển biến theo hướng phát triển thị trường lao động, có đến 85,8% số người lao động trong khu vực ngoài Nhà nước (Tổng cục Thống kê, 2016). Tỷ lệ thất nghiệp của Việt Nam năm 2013 là 1,9% thấp hơn so với một số nước Đông Nam Á (ASEAN) như Philippines (7,3%), Indoneisa (6%), Brunei (3,7%), Myanmar (3,5%), Malaysia (3,2%), Singapore (3,1%) (Tổ chức lao động quốc tế - ILO, 2014).

Về phân phối thu nhập và tiền lương, thu nhập bình quân đầu người một tháng theo giá hiện hành tăng từ 295.000 đồng Việt Nam (VND) năm 1999 lên 3.049.000 VND năm 2016. Trong đó, thu nhập của người ăn lương tăng từ 1.639.500 VND/tháng năm 2005 lên 5.695.300 VND/tháng tại năm 2015. Chênh lệch thu nhập giữa nhóm 20% giàu nhất với nhóm 20% nghèo nhất là 9,7 lần năm 2014, hệ số Ghini và chỉ số HDI đạt 0,695 năm 2016 tăng so với mức 0,608 năm 1990, cả 3 tuy chỉ ở mức trung bình của thế giới nhưng tốt hơn các nước có cùng trình độ pháp triển (Tổng cục Thống kê, 2016).

Hai là đã có nhiều tiến bộ trong việc thực hiện chính sách đầu tư phát triển, chính sách điều tiết thu nhập và chính sách an sinh xã hội để hạn chế bất bình đẳng về cơ hội phát triển, bù đắp thiệt thòi cho những nhóm xã hội yếu thế.

Nhà nước thực hiện chính sách thuế thu nhập lũy tiến nhằm điều tiết thu nhập, tạo nguồn chi cho chính sách an sinh xã hội. Theo đó, thuế suất thu nhập cá nhân từ 5% đến 35% thu nhập, thuế thu nhập doanh nghiệp từ 20% đến 50% thu nhập. Nhà nước có chính sách miễn giảm thuế cho đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, vùng khó khăn, vào các ngành nghề khuyến khích, doanh nghiệp mới thành lập, nhà đầu tư nước ngoài. Nhà nước qui định mức lương tối thiểu và thường xuyên điều chỉnh tiền lương cho công chức viên chức trong hệ thống Nhà nước để cải thiện mức sống cho họ.

Nhà nước thực hiện chính sách xóa đói giảm nghèo với nhiều sự hỗ trợ như xây dựng kết cấu hạ tầng, nhà ở, học phí, tiền điện, chi phí mua bảo hiểm y tế, xây nhà vệ sinh, vay vốn sản xuất… Nhờ những chính sách trên, tỉ lệ hộ nghèo giảm từ 37,4% năm 1998 xuống còn 7% năm 2015 (Tổng cục Thống kê, 1999; 2016). Tỷ lệ hộ nghèo đói theo chuẩn quốc tế giảm từ 58% xuống còn khoảng 25%. Việt Nam đã hoàn thành sớm hơn *"mục tiêu Thiên niên kỷ"* của Liên hợp quốc (Đỗ Duy Đại, 2010).

Chính sách đối với vùng khó khăn, miền núi, dân tộc thiểu số đã hỗ trợ về xây dựng hạ tầng, định canh định cư, nhà ở, đất ở, chuyển đổi ngành nghề, cho vay ưu đãi, khoán bảo vệ rừng… Nhờ vậy đã giảm tỉ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số từ 35% năm 2011 xuống còn 16,8% năm 2015 (Hoàng Châu, 2016).

Chính sách phát triển nông thôn với 16 chương trình mục tiêu quốc gia được triển khai lồng ghép trên địa bàn nông thôn, trong đó *"chương trình xây dựng nông thôn mới"* bao quát tất cả các lĩnh vực như kết cấu hạ tầng, giải quyết việc làm và nâng cao thu nhập, giảm nghèo, giáo dục, y tế, văn hóa, môi trường, an ninh trật tự và xây dựng hệ thống chính trị cơ sở. Đến quý 1 năm 2017, sau 8 năm thực hiện đã có 2.656 xã (đạt 29,76%) và 33 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới (Xuân Sinh, 2017). Chênh lệch thu nhập đầu người thành thị và nông thôn giảm từ 2,7 lần năm 1996 xuống còn 1,79 lần năm 2016 (Tổng cục Thống kê, 1999; 2016).

Chính sách an sinh xã hội thực hiện trợ cấp, phụ cấp, bảo hiểm y tế và các chế độ ưu đãi khác cho người có công. Đến cuối 2015 có 98,5% hộ gia đình chính sách có mức sống bằng hoặc cao hơn mức sống trung bình xã hội (Tổng cục Thống kê, 2016 trích trong Bùi Thị Phương Thùy, 2017). Số người tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc là 12,9 triệu người, bảo hiểm xã hội tự nguyện là 203 nghìn người, bảo hiểm thất nghiệp là 11,1 triệu người, bảo hiểm y tế là 75,8 triệu người, đạt 81,8% dân số (Tổng cục Thống kê, 2016). Trợ cấp xã hội nhằm trợ giúp người tàn tật, cô đơn, trẻ em mồ côi, lang thang cơ nhỡ, nhiễm HIV, người cao tuổi, vùng bị thiên tai, dịch bệnh hoành hành (Bùi Thị Phương Thùy, 2017).

Kết cấu hạ tầng kinh tế − xã hội và phát triển các dịch vụ công có nhiều tiến bộ, mang lại cơ hội thụ hưởng lợi ích của tăng trưởng kinh tế cho người dân. Đến năm 2014 có 50% số hộ có nhà kiên cố, 40% nhà bán kiên cố. Tỉ lệ hộ dùng điện tăng từ 97,65% năm 2008 lên 98,8% năm 2016; có 99,28% số xã có đường ô tô đến trung tâm xã; có 133 thuê bao di động/100 dân và người dùng Internet tại Việt Nam đã đạt 52% dân số, vào top 20 nước có nhiều người dùng Internet nhất trên thế giới. Có 85% diện tích

Hình 2: Mức chi không chính thức và hối lộ

(Chỉ số năng lực cạnh tranh toàn cầu-GCI 2014-2015)

Đơn vị: Từ 0 đến 1

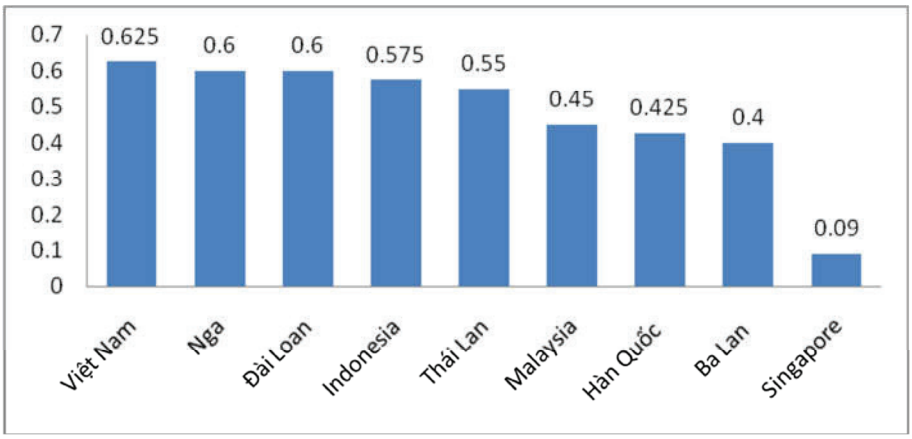

Nguồn: Ngân hàng thế giới trong Oxfam (2017).

đất canh tác lúa được tưới, tỉ lệ hộ dùng nước hợp vệ sinh tăng từ 78,1% năm 2002 lên 93,4% năm 2016. Số giường bệnh/1 vạn dân tăng từ 17,8 giường vào năm 1995 lên 26,8 giường vào năm 2016, tuổi thọ bình quân tăng từ 72,2 năm 2005 lên 73,4 năm 2016, chi tiêu công cho y tế tăng từ 2,9% ngân sách năm 2005 lên 4,51% năm 2014 (Tổng cục Thống kê, 2014; 2016). Tỷ lệ người lớn biết chữ tăng từ 88% lên 94% (Đỗ Duy Đại, 2010); tỉ lệ đi học đúng tuổi ở cấp tiểu học tăng từ 89,3% năm 2006 lên 93% năm 2014, cấp trung học cơ sở tăng từ 78,8% lên 84,4%, trung học phổ thông tăng từ 53,9% lên 63,1%; chi tiêu công cho giáo dục tăng từ 10,89% ngân sách năm 2005 lên 15,68% năm 2014 (Tổng cục Thống kê, 2014; 2016), cao hơn mức bình quân toàn cầu 5,2% (Oxfam, 2017).

Ba là hướng đến việc thực hiện công bằng trong thủ tục, nâng cao lòng tin về công bằng xã hội của nhân dân, hệ thống chính trị đã có nhiều đổi mới đồng bộ với đổi mới kinh tế.

Quốc hội và Hội đồng Nhân dân các cấp có bước đột phá khi thực hiện chất vấn và bỏ phiếu tín nhiệm đối với các chức danh do Quốc hội và Hội đồng Nhân dân bầu, hoạt động chất vấn và trả lời chất vấn ở Quốc hội hoặc chương trình "dân hỏi Bộ trưởng trả lời" trên VTV1… đã tạo tiến bộ về công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình của Nhà nước. Việc thực hiện cải cách thủ tục hành chính có kết quả bước đầu; cải cách tư pháp được đẩy mạnh, nhằm hạn chế oan, sai. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể đã từng bước khắc phục tình trạng "hành chính hóa", hoạt động theo nhu cầu, nguyện vọng của dân. Vai trò của báo chí được phát huy, Nhà nước đã ban hành một số cơ chế để Mặt trận và các đoàn thể nhân dân thực hiện vai trò giám sát và phản biện xã hội.

3.2. Những thiếu sót tồn tại

Một là công bằng trong phân phối còn nhiều khiếm khuyết, những bất công trong phân phối bao cấp cào bằng chưa được xóa bỏ hoàn toàn thì các bất công mới lại phát sinh.

Thu nhập và tiền lương tối thiểu cho người lao động ở doanh nghiệp và cho công chức viên chức còn quá thấp, chỉ đạt 60 - 65% nhu cầu thực tế (Bùi Thị Phương Thùy, 2017). Vì vậy, mà nhiều nghề lao động đơn giản như đạp xích lô, bốc xếp, bán hàng rong… lại có thu nhập lớn hơn lao động phức tạp như công chức, giáo viên, công nhân kỹ thuật;… lao động trí óc lại hưởng thụ thấp hơn lao động chân tay (Đỗ Huy, 2009). Người lao động trong khu vực Nhà nước phải tìm cách có thu nhập ngoài lương, từ đó sinh ra nhiều tiêu cực. Mặt khác, tiền lương khu vực Nhà nước vẫn còn mang tính bình quân, chưa gắn liền kết quả lao động (Bùi Thị Phương Thùy, 2017).

Tình trạng bất công do những hành vi tham nhũng, tiêu cực trong xã hội có chiều hướng gia tăng. Theo Tổ chức Minh bạch Thế giới, xếp hạng tham nhũng Việt Nam thứ 112/168 năm 2015 với điểm số 31/100 (Lê Chi, 2016 trích dẫn trong Bùi Thị Phương Thùy, 2017). Tham nhũng không chỉ làm gia tăng chênh lệch giàu nghèo mà còn làm sai lệch việc áp dụng pháp luật và chính sách Nhà nước, giảm tính chính

đáng của bộ máy công quyền. Bên cạnh đó, tình trạng làm giàu bất chính, buôn lậu, gian lận thương mại, trốn thuế… khá phổ biến làm gia tăng bất công xã hội (Bùi Thị Phương Thùy, 2017).

Chênh lệch giàu nghèo nhìn chung đang tăng lên. Năm 2012, tỷ lệ Palma của Việt Nam là 1,74, nghĩa là nhóm 10% giàu nhất có thu nhập cao gấp 1,74 lần nhóm 40% thu nhập thấp nhất (Oxfam, 2017). Chênh lệch thu nhập giữa nhóm 20% giàu nhất với nhóm 20% nghèo nhất đã tăng từ 7 lần năm 1995 lên 9,7 lần năm 2014 và hệ số Ghini tăng từ 0,357 năm 1995 lên 0,436 năm 2016 (Bảng 1); chỉ số HDI đạt 0,695 thấp hơn nhiều nước trong ASEAN như Singapore, Brunei, Malaysia, Thái Lan và Indonesia (Tổng cục Thống kê, 1999; 2016). Người nghèo ở Việt Nam hưởng lợi từ tăng trưởng kinh tế chỉ bằng 76,6% so với mức bình quân của xã hội, trong khi người giàu hưởng lợi tới 115% (Lê Hồng Thọ, 2008).

Hai là công bằng trong cơ hội chưa đáp ứng được nhu cầu, chưa khắc phục được nhiều khó khăn, thiệt thòi cho các nhóm xã hội yếu thế.

Công bằng cơ hội trong giáo dục và đào tạo còn hạn chế, tỷ lệ lao động đã qua đào tạo có bằng cấp năm 2016 chỉ đạt 20,56%, trong đó thành thị 37,16%, nông thôn 12,83% (Tổng cục Thống kê, 2016). Do thu học phí thấp, Nhà nước phải bù nhiều (15,68% ngân sách), bù cho cả người giàu. Trong khi đó, chi phí tự lo của hộ gia đình lại cao khoảng 30% tổng phí thực tế tạo ra gánh nặng cho những hộ thu nhập thấp (Oxfam, 2017). Năm 2012, tỷ lệ nhập học đúng tuổi ở bậc trung học phổ thông là 90% đối với nhóm 20% giàu nhất, nhưng chỉ 68% đối với nhóm 20% nghèo nhất và 81% với nhóm 20% cận nghèo (Oxfam, 2017).

Công bằng cơ hội trong y tế chưa đảm bảo do thu viện phí thấp, không những ngân sách phải bù nhiều (4,51% ngân sách), bù cho cả người giàu; trong khi đó, cơ sở vật chất không bảo đảm mà chi phí tự lo của người bệnh cao tăng từ 43,5% năm 2012 lên 48% tổng phí thực tế 2013 (Oxfam, 2017). Tỷ lệ này cao hơn nhiều so với mức dưới 30% do Tổ chức y tế thế giới (WHO) đề xuất (Oxfam, 2017) làm hạn chế cơ hội chữa bệnh của người nghèo.

Công bằng cơ hội giữa các dân tộc còn cách biệt lớn, các nhóm dân tộc thiểu số ngoài người Kinh và Hoa có tỷ lệ nghèo quá cao, họ chiếm 15% dân số nhưng có tới 70% số hộ nghèo (Ngân hàng Thế giới, 2015 trích trong Oxfam, 2017). Chênh lệch thu nhập giữa nhóm người Kinh và Hoa so với các nhóm dân

Bảng 1: Diễn biến bất bình đẳng thu nhập 1995-2016

Năm	1995	1996	1999	2002	2006	2010	2012	2014	2016
Chênh lệch thu nhập*	7,0	7,3				9,2	9,4	9,7	
Hệ số bất bình đẳng thu nhập-Ghini	0,357	0,362	0,390	0,420	0,420	0,433	0,424	0,430	0,436

*Ghi chú: *Chênh lệch thu nhập giữa nhóm 20% giàu nhất với nhóm 20% nghèo nhất.*

Nguồn: Theo số liệu tổng cục thống kê (1999, 2014, 2016).

Hình 3: Thực trạng về bất bình đẳng xã hội ở Việt Nam

Đơn vị tính: % số người được hỏi

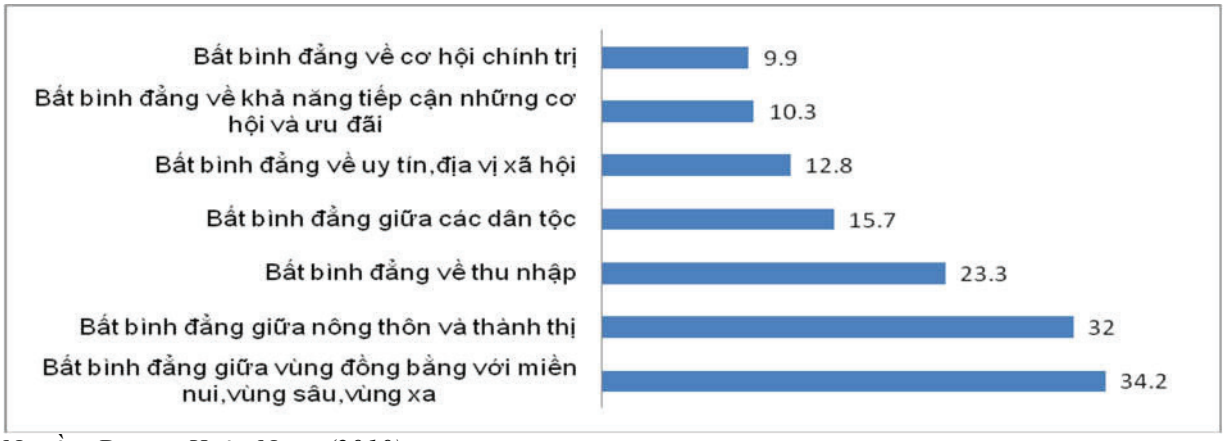

Nguồn: Dương Xuân Ngọc (2010).

tộc thiểu số tăng từ 2,1 lần năm 2004 lên 2,3 lần năm 2014 (Oxfam, 2017). Tỷ lệ nhập học trung học phổ thông trên 65% đối với nhóm người Kinh và Hoa, nhưng chỉ 13,7% với các nhóm dân tộc thiểu số (Oxfam, 2017). Kết quả khảo sát năm 2010 cho thấy 32% số người được hỏi cho rằng có bất bình đẳng giữa các dân tộc, 34,2% thừa nhận có sự bất bình đẳng giữa miền xuôi và miền núi (Hình 3).

Công bằng cơ hội giữa các thành phần kinh tế trong việc tiếp cận vốn vay, đất đai thuận lợi hơn cho doanh nghiệp Nhà nước, tình trạng trốn thuế của doanh nghiệp tư nhân, chính sách ưu đãi thuế và tránh thuế bằng chuyển giá nội bộ trong doanh nghiệp vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), nên chưa thật sự đảm bảo cạnh tranh công bằng, lành mạnh giữa các thành phần kinh tế (Bùi Thị Phương Thùy, 2017).

Công bằng cơ hội giữa thành thị và nông thôn còn nhiều hạn chế. Chênh lệch thu nhập thành thị so với nông thôn gấp 1,76 lần năm 2016, tỉ lệ hộ nghèo nông thôn là 7,5% gấp 3,5 lần tỉ lệ hộ nghèo thành thị (Oxfam, 2017). Dân số thành thị chỉ chiếm 29,6% dân số nhưng chiếm tới 51,9% trong nhóm thu nhập cao (Nguyễn Trần Lâm & cộng sự, 2015 trích trong Oxfam, 2017).

Công bằng cơ hội giữa các vùng lãnh thổ chưa có tiến bộ rõ rệt do lợi ích của tăng trưởng phân bổ không đều tạo ra bất bình đẳng thu nhập giữa các vùng (Nguyễn Trần Lâm, 2016 trích trong Oxfam, 2017). Năm 2014, mức thu nhập của vùng Đông Nam Bộ là cao nhất đạt 4,125 triệu VND/người/tháng so với vùng Trung du và miền núi phía Bắc, chỉ đạt 1,613 triệu VND, bằng 39,1% của Đông Nam Bộ; vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung chỉ đạt 1,982 triệu VND, bằng 48% của Đông Nam Bộ. Tỉ lệ hộ nghèo vùng Đông Nam Bộ chỉ 1%, nhưng của vùng đồng bằng sông Cửu Long là 8,6% và của vùng Trung du, miền núi phía Bắc lên đến 23% (Tổng cục Thống kê, 2014).

Công bằng cơ hội giữa dân nhập cư với dân có hộ khẩu ở đô thị chưa thực hiện được với số lượng lao động nhập cư chiếm 7,7% tổng dân số, đa số (94%) từ nông thôn ra thành thị, và 70% tập trung ở các khu công nghiệp; nhưng họ không có hộ khẩu, khó có cơ hội tiếp cận các dịch vụ công và bảo trợ xã hội (Oxfam, 2017).

Ba là công bằng trong thủ tục còn nhiều mặt hạn chế, người dân chưa thật sự tin tưởng vào sự công bằng, khách quan và liêm chính của các cơ quan công quyền và đội ngũ công chức, viên chức.

Người dân chưa có nhiều cơ hội tham gia vào quá trình quản lý xã hội, trong việc phân phối sử dụng ngân sách Nhà nước, nhất là trong lĩnh vực đầu tư công và kinh phí cho hoạt động sự nghiệp và an sinh xã hội theo đúng tinh thần *"dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra"*. Đặc biệt là nông dân quy mô nhỏ, người nghèo, dân tộc thiểu số ít có tiếng nói, ảnh hưởng, tham gia vào các quyết định chính trị ở cơ sở (Ofam, 2017). Sự tham gia của người dân thường bị hạn chế bởi các tệ nạn quan liêu cứng nhắc, thiếu sự đối thoại hai chiều với người dân (Andrew Wells-Dang, Lê Kim Thái & Nguyễn Trần Lâm, 2015 trích trong Oxfam, 2017).Cùng với đó tình trạng quan liêu, tham nhũng, hối lộ trong bộ máy Nhà nước làm cho nhân dân thiếu lòng tin vào sự trung lập, khách quan của các cơ quan và đội ngũ

công chức, viên chức Nhà nước. Theo một kết quả khảo sát có đến 55% người được hỏi cho biết họ không đến các cơ quan Nhà nước để giải quyết tranh chấp lao động vì họ không tin được giải quyết thỏa đáng (Oxfam, 2017).

3.3. Nguyên nhân những thiếu sót tồn tại

Những thiếu sót tồn tại nêu trên tuy bị chi phối bởi những nguyên nhân khách quan như: Nền kinh tế nước ta còn nghèo, ngân sách thiếu hụt, tính chất phức tạp của thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội và của quá trình chuyển đổi từ cơ chế quan liêu bao cấp sang cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa… Nhưng, những hạn chế thiếu sót chủ yếu bắt nguồn từ những nguyên nhân chủ quan sau đây:

Một là cơ chế thị trường trong phân phối nguồn lực và kết quả làm ra vừa chưa được tôn trọng đầy đủ lại vừa chưa được kiểm soát chặt chẽ bởi nhà nước.

Quá trình phân phối nguồn lực và kết quả làm ra còn chịu ảnh hưởng bởi tính chất hành chính bao cấp của cơ chế, chính sách cũ, nên chưa thật sự tuân thủ theo qui luật của thị trường, gây ra sự bất công, bất hợp lý trong phân phối các nguồn lực và kết quả như trong chính sách phân phối đất đai, tín dụng, điều tiết và phân phối ngân sách, qui định các điều kiện kinh doanh, chính sách tiền lương… Mặt khác, vai trò quản lý của Nhà nước trong việc quản lý, kiểm soát và điều tiết thị trường còn nhiều thiếu sót, trong thực thi pháp luật chưa nghiêm, tham nhũng làm sai lệch công lý, thái độ quan liêu cửa quyền xa rời thực tế của đội ngũ cán bộ công chức.

Hai là chính sách đầu tư phát triển và chính sách an sinh xã hội chưa đáp ứng được nhu cầu đem lại sự công bằng cơ hội cho các nhóm xã hội yếu thế.

Các chính sách đầu tư phát triển và chính sách an sinh xã hội dàn đều, thiếu tập trung, đồng bộ, có số lượng (đến 16 chương trình mục tiêu quốc gia) nhưng thiếu thực chất do ngân sách còn hạn chế, mức hỗ trợ chưa thỏa đáng, cách hỗ trợ chưa phù hợp. Đáng chú ý là chính sách *"xã hội hóa"* dịch vụ công, nhất là trong lĩnh vực giáo dục và y tế còn nửa vời khi mức thu phí thấp; Nhà nước phải bù chi cho y tế và giáo dục lên đến 20,19% ngân sách (Tổng cục Thống kê, 2014), bù cho cả người giàu, đến mức Nhà nước không còn tiền để đầu tư phát triển. Trong khi đó, cơ sở vật chất y tế, giáo dục lại thiếu thốn chưa đáp ứng nhu cầu, người dân phải tự trả thêm chi phí thực tế (30-48%), còn người nghèo, cận nghèo và các đối tượng chính sách khác chưa được Nhà nước hỗ trợ trực tiếp và thỏa đáng nên làm giảm cơ hội chữa bệnh, học tập của họ.

Ba là đổi mới chính trị còn chậm, chưa có nhiều đột phá và có mặt chưa đồng bộ với đổi mới kinh tế, chưa đủ mức cần thiết để mang lại lòng tin của người dân về công bằng xã hội.

Yếu tố cốt lõi và mục tiêu cơ bản của đổi mới chính trị là phát huy nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, việc thực hiện dân chủ trong Đảng và ngoài xã hội còn nhiều hạn chế, dân chủ chưa được phát huy đầy đủ và còn mang tính hình thức nhất là trong thực hiện *"dân chủ ở cơ sở"*. Trong khi đó, phản biện và áp lực xã hội từ báo chí và đoàn

Hình 4: Mức minh bạch của nền hành chính Việt Nam

Đơn vị tính: từ 0 đến 1

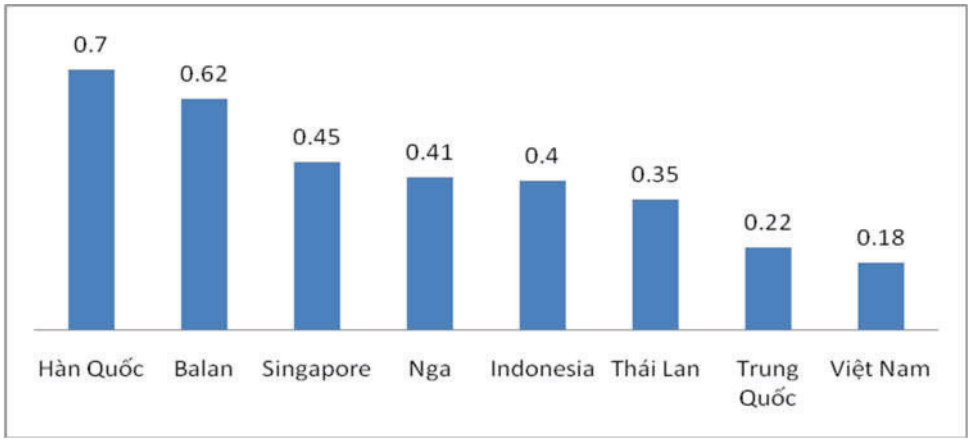

Nguồn: Oxfam (2017).

thể xã hội chưa được phát huy đúng mức. Hệ thống pháp luật thiếu đồng bộ và hiệu lực; kỷ cương, kỷ luật chưa nghiêm. Nền hành chính chưa minh bạch (Hình 4), cồng kềnh, thủ tục rườm rà, phản hồi chậm và tham nhũng nên chưa nghiêm túc và kém hiệu lực. Sự suy thoái về đạo đức, lối sống, tham nhũng, "*lợi ích nhóm"* ở một bộ phận cán bộ, Đảng viên có chức, có quyền; kỷ luật nội bộ lỏng lẻo. Những hạn chế trên đây vừa là sự thiếu hoàn thiện của hệ thống chính trị vừa là biểu hiện sự thiếu công bằng về thủ tục chưa tạo lập được niềm tin vào công bằng xã hội.

4. Khuyến nghị một số chính sách

4.1. Chính sách nhằm phát huy vai trò thực hiện công bằng xã hội của thể chế thị trường

Nhà nước cần định vị lại mối quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và cơ sở dịch vụ công, doanh nghiệp. Theo đó, Nhà nước làm chức năng *"kiến tạo phát triển"*, thực hiện ổn định kinh tế vĩ mô, tạo điều kiện để thị trường thực hiện chức năng phân bổ nguồn lực và kết quả, Nhà nước chỉ can thiệp khi cần thiết. Nhà nước cần đổi mới chính sách đất đai để tạo điều kiện tích tụ ruộng đất cho những tổ chức và cá nhân có năng lực sản xuất, hạn chế bớt các điều kiện kinh doanh để giảm bớt sự thiếu công bằng trong đầu tư sản xuất kinh doanh.

4.2. Chính sách nhằm thực hiện vai trò quản lý và điều tiết của Nhà nước đối với thị trường để đảm bảo công bằng xã hội

Nhà nước cần từng bước nâng cao mức lương cho người ăn lương, lương trong khu vực Nhà nước phải gắn với hiệu quả công việc. Nhà nước thực hiện chính sách thuế và tín dụng công bằng giữa các thành phần kinh tế, chống thất thu thuế, trốn thuế, né thuế và trách nhiệm bảo vệ môi trường nhằm đảm bảo sự cạnh tranh công bằng giữa các doanh nghiệp. Nhà nước thực hiện chính sách an sinh xã hội, giảm nghèo. Theo đó ưu tiên thực hiện đầu tư công và khuyến khích đầu tư, cho vay vốn vào nông nghiệp, nông thôn, vùng nghèo, vùng sâu vùng xa, miền núi, vùng dân tộc thiểu số; đẩy mạnh hơn chính sách *"xã hội hóa"* dịch vụ công; phát huy quyền tự chủ của các cơ sở giáo dục, y tế và dịch vụ công khác theo nguyên tắc phi lợi nhuận nhưng đảm bảo mức phí đủ trang trải mọi chi phí. Trên cơ sở đó, Nhà nước có nguồn ngân sách để *hỗ trợ tài chính trực tiếp* cho những người nghèo, cận nghèo và các đối tượng chính sách xã hội khác**.**

4.3. Chính sách nhằm thực hiện đổi mới chính trị đồng bộ với đổi mới kinh tế, mang lại niềm tin vào sự công bằng cho người dân

Nhà nước cần đổi mới hơn nữa tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị, tiếp tục thể chế hóa, cụ thể hóa mối quan hệ "Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ", thực hiện có hiệu quả "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" một cách thực chất. Đổi mới phương thức tuyển chọn, bổ nhiệm cán bộ để ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng chạy chức, chạy tuổi, chạy bằng cấp; ngăn chặn "cục bộ, bè phái", "lợi ích nhóm". Giảm biên chế để nâng lương đủ sống cho công chức, viên chức, tiến tới thực hiện 3 không như Singapore: "không cần tham nhũng, không thể tham nhũng, không dám tham nhũng". Đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, tạo điều kiện để các đoàn thể nhân dân giám sát và phản biện xã hội để thực sự đại diện cho lợi ích của nhân dân, có qui chế cho Công đoàn tổ chức thương lượng để xây dựng thỏa ước lao động tập thể với chủ sử dụng lao động và thực hiện quyền đình công để bảo vệ lợi ích người lao động. Tòa án tăng cường xét xử công bằng và nâng cao hiệu lực thi hành án về tranh chấp lao động để bảo vệ quyền lợi của cả người lao động và chủ sử dụng lao động.

Tài liệu tham khảo

Bảo Anh (2014), 'Đã cấp hơn 41 triệu "sổ đỏ" trên cả nước', *vneconomy.vn*, truy cập lần cuối ngày 5 tháng 9 năm 2017, từ <http://vneconomy.vn/bat-dong-san/da-cap-hon-41-trieu-so-do-tren-ca-nuoc.2014060409343 5930htm>.

Bùi Thị Phương Thùy (2017), 'Thực hiện công bằng xã hội với việc phát triển con người ở Việt Nam hiện nay', Luận án tiến sỹ, Học Viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

Dương Xuân Ngọc (2010), 'Quan hệ giữa đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị ở Việt Nam', *thongtin khcn daklak*, truy cập lần cuối ngày 15 tháng 4 năm 2016, từ <thongtinkhcndaklak.vn:81/kqncvn2012/Kinh_te/Toan_van/8054.pdf>.

Đỗ Duy Đại (2010), 'Định hướng xã hội chủ nghĩa nền kinh tế thị trường xét dưới góc độ công bằng xã hội', *tailieu.vn*, truy cập lần cuối ngày 20 tháng 08 năm 2017, từ <http://tailieu.vn/doc/tieu-luan-dinh-huong-xhcn-nen-kinh-te-thi-truong-xet-duoi-goc-do-cong-bang-xa-hoi--402539.html>.

Đỗ Huy (2009), 'Công bằng xã hội ở Việt Nam: nhận diện và giải pháp thực hiện', *tailieu.vn*, truy cập lần cuối ngày 8 tháng 8 năm 2017, từ <http://tailieu.vn/doc/cong-bang-xa-hoi-o-viet-nam-nhan-dien-va-giai-phap-thuc-hien-264498.html>.

Francisco, H.G., Peragine, Vito (2015), 'Equality of Opportunity: Theory and Evidence', *IZA Discussion Papers No. 8994*, Institute of Labor Economics.

Hoàng Châu (2016), 'Nhiều chính sách mới đối với vùng dân tộc thiểu số và miền núi', *baocongthuong*, truy cập lần cuối ngày 06 tháng 08 năm 2017, từ <http://baocongthuong.com.vn/nhieu-chinh-sach-moi-doi-voi-vung-dan-toc-thieu-so-va-mien-nui.html>.

Lê Hồng Thọ (2008), Người nghèo đi đâu, về đâu ?, *vietsciences.free.fr*, truy cập lần cuối ngày 06 tháng 08 năm 2017, từ <http://vietsciences.free.fr /vietnam/xahoi/nguoingheodidau.htm>.

Nguyễn Kiến Giang (2010), 'Suy nghĩ về công băng xã hội ở Việt Nam hiện nay', *tailieu.vn*, truy cập lần cuối ngày 3 tháng 8 năm 2017, từ <http://tailieu.vn/doc/suy-nghi-ve-cong-bang-xa-hoi-o-viet-nam-hien-nay-264513.html>.

Nguyễn Tấn Hùng (2008), 'Thực hiện công bằng xã hội ở Việt Nam hiện nay, mâu thuẫn và phương pháp giải quyết', *tailieu.vn*, truy cập lần cuối ngày 8 tháng 8 năm 2017, từ <http://tailieu.vn/doc/thuc-hien-cong-bang-xa-hoi-o-viet-nam-hien-nay-mau-thuan-va-phuong-phap-giai-quyet-264505.html>.

Nguyễn Thị Nga (2006), 'Quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội ở nước ta hiện nay những quan điểm cơ bản của Đảng', *tailieu.vn*, truy cập lần cuối 10 tháng 8 năm 2017, từ <http://tailieu.vn/doc/tieu-luan-quan-he-giua-tang-truong-kinh-te-va-cong-bang-xa-hoi-o-nuoc-ta-hien-nay-nhung-quan-diem-c-1435725.html>.

Oxfam (2017), *Thu hẹp khoảng cách cùng giảm bất bình đẳng ở Việt Nam, Báo cáo nghiên cứu chính sách*, Hà Nội.

Phạm Vũ (2013), 'Bảo đảm công bằng xã hội vì sự phát triển bền vững', *tailieu.vn*, truy cập lần cuối ngày 18 tháng 8 năm 2017, từ <http://tailieu.vn/doc/tieu-luan-bao-dam-cong-bang-xa-hoi-vi-su-phat-trien-ben-vung-1435691.html>.

Tổ chức lao động quốc tế (2014), 'Thông cáo báo chí ngày 21 tháng 1 năm 2014', *ilo.org*, truy cập ngày 20 tháng 10 năm 2017, từ <http://www.ilo.org/hanoi/Informationresources/Publicinformation/Pressreleases/WCMS_234240/lang--vi/index.htm>.

Tổng cục thống kê (1999), 'Y tế, văn hóa, đời sống', *gso.gov.vn*, truy cập lần cuối ngày 1 tháng 8 năm 2017, từ <https://www.gso.gov.vn/default.aspx?tabid=723>.

Tổng cục thống kê (2014), 'Y tế,văn hóa, đời sống', *gso.gov.vn*, truy cập lần cuối ngày 1 tháng 9 năm 2017, từ <https://www.gso.gov.vn/default.aspx?tabid=723>.

Tổng cục thống kê (2016), 'Y tế,văn hóa, đời sống', *gso.gov.vn*, truy cập lần cuối ngày 15 tháng 9 năm 2017, từ <https://www.gso.gov.vn/default.aspx?tabid=723>.

Tyler, T.R. (2000), 'Social justice: Outcome and procedure', *International journal of psychology*, 35(2), 117-125.

Vũ Quốc Tuấn (2008), 'Công bằng xã hội', *thesaigontimes*, truy cập lần cuối ngày 1 tháng 8 năm 2017, từ <http://www.thesaigontimes.vn/Home/diendan/ykien/5320/>.

Xuân Sinh (2017), 'Xây dựng nông thôn trở thành những vùng đáng sống', *dantri.com.vn*, truy cập lần cuối ngày 7 tháng 8 năm 2017, từ <http://dantri.com.vn/chinh-tri/xay-dung-nong-thon-tro-thanh-nhung-vung-dang-song-20170415201531 86.htm>.